

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Bà Phạm Hồng Gái

**** Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang:*** Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên Viện kiểm sát huyện H.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 172/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST- DS ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H1, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Hoàng D, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H1 có mặt; chị T vắng mặt; anh D có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 trình bày:

Vào ngày 30/9/2019, chị Nguyễn Thị T cư ngụ tại ấp S, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang là chỗ quen biết và tin tưởng nên chị có cho chị T mượn số tiền 48.000.000 đồng (có biên nhận kèm theo) để chi tiêu trong gia đình.

Sau khi mượn tiền, chị T hứa ngày 30/02/2020 sẽ trả cho chị hết số tiền 48.000.000 đồng nhưng khi đến hạn chị T không trả tiền cho chị đúng như thỏa thuận cam kết trả nợ. Chị đã nhiều lần đến nhà chị T để yêu cầu trả nợ nhưng đến ngày 28/02/2022, chị T chỉ trả được cho chị số tiền 2.000.000 đồng nên chị T còn nợ chị số tiền 46.000.000 đồng, đến nay chị T không thanh toán được khoản tiền nào. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị T cùng chồng anh Ngô Hoàng D liên đới trả số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án...) trực tiếp cho bị đơn chị Nguyễn Thị T, nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị T không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2022 anh Ngô Hoàng D trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị T, việc chị T nợ chị H1 như thế nào thì anh không biết. Do anh thường xuyên bị bệnh nên anh không lao động, chị T là lao động chính, buôn bán cà phê tại nhà để lo cho gia đình. Chị H1 khởi kiện, anh không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D trả số tiền vay là 46.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D vắng mặt, không có lý do nên không có trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tiếp nhận đơn khởi kiện, xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định của Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, xét giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 với bị đơn chị Nguyễn Thị T được xác lập theo biên nhận nợ đề ngày 30/9/2019 (âm lịch). Theo giấy nhận nợ thể hiện chị Nguyễn Thị T có nợ của chị Trịnh Thị H1 số tiền vay 48.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H1 thừa nhận chị T đã thanh toán cho chị được số tiền 2.000.000 đồng nên chị H1 yêu cầu chị T và anh D liên đới trả số tiền 46.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Hoàng D đã được Tòa án về việc chị H1 khởi kiện và thông báo chứng cứ là biên nhận nợ nhưng chị T, anh D không có ý kiến và không phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu chứng cứ mà chị H1 đưa ra nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 của BLDS năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H1; buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D phải trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền 46.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 không

yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, buộc chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, không có lý do và anh Ngô Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 thì quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú tại xã Sơn Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung: Tại Thông báo số 58/TB-TA ngày 15/8/2022, Tòa án đã thông báo đã cho bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D được biết về việc nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D phải trả số tiền 46.000.000 đồng và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là Văn bản xác nhận nợ đề ngày 30/9/2019 (âm lịch) nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D không có ý kiến và không phản đối với yêu cầu khởi kiện cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Tại Văn bản xác nhận nợ đề ngày 30/9/2019 (âm lịch) thể hiện: Chị Nguyễn Thị T thừa nhận có vay của chị Trịnh Thị H1 số tiền 48.000.000 đồng và cam kết 30/2/2020 sẽ thanh toán; văn bản xác nhận nợ có ký và ghi họ tên Nguyễn Thị T (BL 22).

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo chứng cứ...mặc dù chị T đã trực tiếp nhận thông báo thụ lý, giấy triệu tập...nhưng chị T không có ý kiến hoặc không phản đối gì với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ mà chị H1 đưa ra nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Cho nên, căn cứ văn bản xác nhận nợ có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, giữa chị Trịnh Thị H1 và chị Nguyễn Thị T có xác lập giao dịch vay tiền nhưng chị T là bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chị Trịnh Thị H1 khởi kiện yêu cầu chị T cùng chồng là anh D trả lại tài sản vay là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tuy nhiên, theo biên nhận nợ thể hiện chị Nguyễn Thị T thừa nhận có vay của chị H1 số tiền 48.000.000 đồng nhưng tại biên bản hoà giải và tại phiên toà chị H1 thừa nhận chị T đã thanh toán cho chị H1 số tiền 2.000.000 đồng nên đồng ý khấu trừ số tiền đã thanh toán vào số tiền nợ vay và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ý kiến của anh D cho rằng: Việc vay nợ giữa chị H1 với chị T như thế nào thì anh không biết. Tuy nhiên, anh D xác định anh là chồng chị T và chị T là lao động chính lo cho kinh tế gia đình nên căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên vợ chồng phải có trách nhiệm thanh toán. Cho nên, chị H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D cùng liên đới trả nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 288, 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 với bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 số tiền 46.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu đồng*).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị H1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Hoàng D phải trả lãi đối với số tiền là 46.000.000 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D không trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 46.000.000 đồng x 5% = 2.300.000 đ (*bằng chữ: Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền tạm ứng án phí là 1.200.000 đ (*bằng chữ: Một triệu hai trăm nghìn đồng*) mà chị H1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007955 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Hoàng D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG.
- VKS huyện;
- Cục T.H.A DS huyện;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

